

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 72/2024/DS-PT
Ngày: 21-02-2024
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Giang

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Vũ

Bà Phạm Thị Hồng Vân

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Phước Hậu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Thuỷ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 477/2023/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2023/DSST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐ-PT ngày 05 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông **Phan Nhật T**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: **Khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Tây Ninh**. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Hoàng L**, sinh năm 1985; Địa chỉ: **ấp P, xã S, huyện D, tỉnh Tây Ninh** (Theo văn bản ủy quyền ngày 01-4-2023). (có mặt)

- **Bị đơn:** Ông **Trần Hòa T1**, sinh năm 1980, bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1978; Địa chỉ: **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh**. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn ông **Trần Hòa T1** và bà **Phạm Thị H**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phan Nhật T và người đại diện trình bày:

Ngày 18-01-2022 ông T cho ông T1, bà H vay số tiền 600.000.000 đồng, ông T1 có viết giấy vay tiền nhưng chỉ có mình ông T1 ký tên giấy vay, do bà H không có mặt. Trước đó bà H có điện thoại cho ông T hỏi vay tiền và đưa cho ông T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà H đứng tên. Hai bên thỏa thuận lãi suất 4%/tháng, hạn 01 tháng tức đến ngày 18-02-2022 trả tiền gốc và tiền lãi. Mục đích vay tiền để có vốn kinh doanh. Khi vay tiền ông T1, bà H có thể chấp cho ông T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS05244 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 26-9-2018 cho bà Phạm Thị H đứng tên. Việc thế chấp không ghi vào giấy nợ, chỉ đưa cho ông T giữ làm tin để vay tiền. Ngày 26-01-2022 ông T1, bà H có trả tiền lãi được 22.000.000 đồng, cách khoảng 4, 5 ngày sau ông T1 vay lại 15.000.000 đồng. Còn tiền nợ gốc chưa trả.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu ông T1, bà H trả số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng, yêu cầu tính tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày vay đến khi giải quyết xong vụ án.

Bị đơn ông Trần Hòa T1 trình bày:

Ông xác định ngày 18-01-2022 có vay của ông T 600.000.000 đồng, ông có viết giấy vay tiền. Thời hạn vay 01 tháng tức ngày 18-02-2022 trả nợ, lãi suất 4%/tháng. Mục đích ông vay tiền để đầu tư chăm sóc tre đang trồng tại xã T, huyện T lấy măng bán để phát triển kinh tế gia đình. Nhưng sau khi trồng do dịch bệnh nên việc trồng tre bị thất bại. Từ ngày vay cho đến nay chưa trả tiền nợ gốc và tiền lãi cho ông T được đồng nào. Còn số tiền 22.000.000 đồng là ông trả lãi cho ông T của số tiền vay trước đó đã tính toán xong, không liên quan đến số tiền vay 600.000.000 đồng này. Khi vay ông không thế chấp tài sản gì, còn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS05244 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 26-9-2018 cho bà Phạm Thị H đứng tên là do sau khi vay tiền ông có đưa cho ông T để ông T kết hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do em con người chú của ông là Trần Hòa T2 Tuấn đứng tên đất tại xã M, 02 sổ này gộp lại để làm thủ tục vay tiền tại Ngân hàng số tiền khoảng 2.500.000.000 đồng để ông lấy tiền trả lại cho ông T và ông có tiền để làm ăn. Nhưng do ông T không làm thủ tục vay được, nên ông không có tiền trả cho ông T và ông T chưa trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông. Việc ông vay tiền của ông T chỉ do mình ông giao dịch, bà H vợ ông không biết và số nợ này không liên quan đến bà H.

Do đó, ông đồng ý trả cho ông T số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày vay đến khi ngày 18-6-2023, vì số tiền vay này không liên quan đến bà H nên ông không đồng ý việc bà H cùng chịu trách nhiệm trả nợ. Ông yêu cầu ông T trả cho bà H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Bị đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Ông T1 có vay tiền của ông T bao nhiêu bà không biết. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 26-9-2018 do bà đứng tên ông T1 giữ và ông T1 đem đi thế chấp cho ông T bà không biết. Việc chi tiêu sinh hoạt trong gia đình hàng ngày do bà quán xuyến, còn việc làm ăn (cụ thể làm nông nghiệp) thì do ông T1 làm. Đối với số tiền ông T1 vay của ông T 600.000.000 đồng bà chưa nói chuyện được với ông T1. Do đó bà chưa xác định được đây là số tiền nợ chung giữa bà với ông T1 nên bà không đồng ý cùng ông T1 trả nợ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2023/DSST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, đã xử:

Căn cứ vào các Điều 463, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Nhật T đối với ông Trần Hòa T1, bà Phạm Thị H về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

- Buộc bà Phạm Thị H và ông Trần Hòa T1 có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Phan Nhật T số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi 201.856.000 đồng, tổng cộng là 801.856.000 (tám trăm lẻ một triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn) đồng.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, nếu ông Trần Hòa T1, bà Phạm Thị H chưa trả số tiền trên thì hàng tháng ông T1, bà H còn phải trả cho ông T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Ông Phan Nhật T có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phạm Thị H một bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS05244 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 26-9-2018 cho bà Phạm Thị H đứng tên.

Án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Ngày 11-10-2023 ông Trần Hòa T1 và bà Phạm Thị H kháng cáo nội dung: Buộc ông T1 có nghĩa vụ trả nợ gốc 600.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 0.83%/ tháng kể từ ngày vay đến ngày giải quyết xong vụ kiện. Không yêu cầu bà Phạm Thị H có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng với ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Không đồng ý với nội dung kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ mới chứng minh. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của ông **T1**, bà **H**. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ ý kiến của đương sự, ý kiến Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông **Phan Nhật T** được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt đã có người đại diện theo ủy quyền; bị đơn ông **Trần Hòa T1** và bà **Phạm Thị H** có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông **T**, ông **T1**, bà **H**.

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11-10-2023 ông **T1** bà **H** có đơn kháng cáo. Qua xem xét đơn kháng cáo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật giải quyết: ông **Phan Nhật T** khởi kiện yêu cầu ông **Trần Hòa T1**, bà **Phạm Thị H** trả số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng và lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày vay đến khi giải quyết xong vụ án; Phía bị đơn ông **Trần Hòa T1** thừa nhận có nợ 600.000.000 đồng nhưng bà **H** không biết nên không có trách nhiệm liên đới đối trả số nợ trên. Các bên đương sự có tranh chấp, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật giải quyết là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định Điều 463 của Bộ luật Dân sự, là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của ông **Trần Hòa T1** và bà **Phạm Thị H**, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Về số tiền vay: Ngày 18-01-2022 bị đơn ông **T1** vay của ông **T** 600.000.000 đồng mục đích để đầu tư trồng tre; thời hạn vay 01 tháng, có giấy tay do ông **T1** ký tên, từ khi vay đến khi khởi kiện không có trả lãi và gốc. Các bên thống nhất số tiền vay, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.2] Về số tiền lãi và mức lãi suất: Tại biên bản hòa giải ngày 08 tháng 8 năm 2023 (BL 42-43) ông **T1** đồng ý với mức lãi suất phải trả là 1,66%/tháng tương ứng 20%/năm là phù hợp với Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Do đó, cấp sơ thẩm xác định số tiền lãi phải trả là 201.856.000 đồng tương ứng với mức lãi suất 1,66%/tháng là có căn cứ, phù hợp sự thỏa thuận của các bên.

[3.3] Đối với bà **H** có phải chịu trách nhiệm liên đới trong số tiền trên hay không, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông **T1** ký tên giấy vay tiền ngày 18-01-2022 là có thật, ông trình bày vay tiền để đầu tư kinh doanh trồng tre bán măng, có tiền phục vụ sinh hoạt đời sống gia đình; thực tế bà **H** đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà đứng tên cho ông **T1** để thực hiện giao dịch với ông **T**. Do đó, có căn cứ xác định bà **H**

cùng ông T1 có nghĩa vụ trả nợ cho ông T theo quy định tại Điều 27; Điều 30; Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Cấp sơ thẩm buộc bà H có trách nhiệm liên đới trả nợ là có căn cứ.

Như vậy, đề xuất của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn pháp lý.

Từ nhận định trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Hòa T1, bà Phạm Thị H phải chịu 36.055.000 (ba mươi sáu triệu không trăm năm mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm;

- Hoàn trả cho ông Phan Nhật T 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0004382 ngày 19-4-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Hòa T1, bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm. Ghi nhận đã nộp xong theo biên lai thu số 0004640 ngày 11-10-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Hòa T1, bà Phạm Thị H.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ Điều 26; Điều 147; Điều 148; Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 27; Điều 30; Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Nhật T đối với ông Trần Hòa T1, bà Phạm Thị H về việc tranh chấp “Hợp đồng Vay tài sản”.

Buộc ông Trần Hòa T1, bà Phạm Thị H có nghĩa vụ trả cho ông Phan Nhật T số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi 201.856.000 đồng, tổng cộng là 801.856.000 (tám trăm lẻ một triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn) đồng.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, nếu ông Trần Hòa T1, bà Phạm Thị H chưa trả số tiền trên thì hàng tháng

ông T1, bà H còn phải trả cho ông T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Ông Phan Nhật T có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phạm Thị H một bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS05244 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 26-9-2018 cho bà Phạm Thị H đứng tên.

3. Về Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Hòa T1, bà Phạm Thị H phải chịu 36.055.000 (ba mươi sáu triệu không trăm năm mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm;

- Hoàn trả cho ông Phan Nhật T 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0004382 ngày 19/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh

4. Về Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Hòa T1, bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm. Ghi nhận đã nộp xong theo biên lai thu số 0004640 ngày 11-10-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao Hà Nội (Vụ 2);
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Tân Biên;
- VKSND huyện Tân Biên;
- CCTHADS huyện Tân Biên;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Giang